TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dần

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Lọt và ông Bùi Văn Ơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-DS ngày 09/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Xóm G, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Xóm G, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2023, bản tự khai ngày 22/5/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau vào ngày 05/9/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quyết T, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không ai ép buộc và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hanh phúc cho đến đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, anh T không quan tâm đến vợ con, đỉnh điểm tháng 6/2021 hai vợ chồng cãi nhau, chị đã đi làm ăn, thỉnh thoảng vẫn về thăm con, vẫn gửi đồ chu

cấp cho con thường xuyên và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị và anh T không hàn gắn được T cảm. Xác định T cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Bùi Minh Đ, sinh ngày 27/01/2018 và Bùi Minh Q, sinh ngày 29/11/2019. Khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục 01 con chung còn giao 01 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Hiện chị đang làm công nhân ở công ty IRISO khu công nghiệp Tân Trường tại huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với mức thu nhập 7.000.000đ/tháng

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng tại phiên tòa anh T có mặt và trình bày quan điểm:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị T trình bày, nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung, vợ chồng ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Bùi Minh Đ, sinh ngày 27/01/2018 và Bùi Minh Q, sinh ngày 29/11/2019 và anh yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là 1.500.000đ/tháng. Anh làm lao động tự do ở Bắc Ninh, có thu nhập 4.500.000đ/tháng, không phải mất tiền thuê nhà vì sinh hoạt tại lán.

Về tài sản, công nợ chung: Không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Bùi Minh Đ, sinh ngày 27/01/2018 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 29/11/2019 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Chị T, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

- Quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Bùi Văn T, sinh năm 1991, nơi cư trú: Xóm G, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ vào Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự - Xác định đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" - Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện không bị lừa dối, cưỡng ép và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Quyết T ngày 05/9/2017. Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn T là hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ, căn cứ vào Điều 3, Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về T cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân:

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Xét T trạng hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn T, HĐXX thấy rằng: Thời gian đầu T cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2021

thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống, các bên thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống cũng như việc sắp xếp các công việc trong gia đình và nuôi dạy con cái, dẫn đến cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và ly thân với nhau từ 6/2021 cho đến nay. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân các bên đều không tìm ra được phương pháp và tiếng nói chung để khắc phục T trạng hôn nhân trên. Xét T trạng hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T đối với anh Bùi Văn T là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Trong thời kỳ hôn nhân chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn T có 02 con chung tên là Bùi Minh Đ, sinh ngày 27/01/2018, Bùi Minh Q, sinh ngày 29/11/2019.

Xét yêu cầu, nguyện vọng của các bên về việc chăm sóc, giáo dục con chung khi vợ chồng ly hôn: Tại phiên tòa chị Bùi Thị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung và giao 01 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Còn anh T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Bùi Minh Đ, Bùi Minh Q và yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng. Về mức thu nhập, chị T có thu nhập là 7.000.000đ/tháng còn anh T là 4.500.000đ/tháng, cả chị T và anh T đều đủ điều kiện để nuôi con, tuy nhiên với mức thu nhập nêu trên cần giao cho chị T anh T mỗi người nuôi dưỡng 01 cháu thì sẽ đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho các con về mọi mặt, đảm bảo về kinh tế cho cả chị T và anh T. Đồng thời cháu nhỏ Bùi Minh Q rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Bùi Minh Đ cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Bùi Minh Q cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục; không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là hợp lý, có căn cứ.

[2.4] Về tài sản, công nợ chung: Không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của chị Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn T

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Bùi Minh Đ, sinh ngày 27/01/2018 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 29/11/2019 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Chị Bùi Thị T, anh Bùi Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của người không trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004476 ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị T, bị đơn anh Bùi Văn T có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND xã Quyết T (Theo ĐKKH số 19 ngày 05/9/2017);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lò Văn Dần